VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 quy định về hoạt động vận tải đường bộ

(Tiếp theo Công báo số 1513 + 1514)

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 64. Bộ Giao thông vận tải

1. Thống nhất quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ theo quy định của Nghị định này.

2. Tổ chức công bố danh mục các trạm dừng nghỉ trên quốc lộ; xây dựng phần mềm quản lý tuyến vận tải khách cố định.

3. Tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; công bố cấu trúc thông tin, thiết bị, trình tự kiểm tra thông tin của mã QR trên phù hiệu, Giấy phép kinh doanh vận tải; quản lý và hướng dẫn đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải quy định tại Điều 75 của Nghị định này.

4. Chỉ đạo thực hiện

a) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng của các bộ, ngành, địa phương để trao đổi, cung cấp thông tin về hoạt động vận tải để phục vụ công tác quản lý chuyên ngành.

5. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan bảo đảm nguồn kinh phí xây dựng và duy trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống xử lý dữ liệu phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô.

6. Chỉ đạo xây dựng, triển khai và duy trì trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên toàn quốc.

Điều 65. Bộ Công an

1. Kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin từ hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; dữ liệu từ thiết bị xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải bằng xe ô tô cho Bộ Giao thông vận tải (Cục Đường bộ Việt Nam), Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Giao thông vận tải) để phối hợp quản lý.

Điều 66. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định điểm dừng, đỗ cho xe hợp đồng phục vụ du lịch.

Điều 67. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định Taximet. Chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính đối với các tổ chức kiểm định và sử dụng Taximet theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định và hướng dẫn về phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và dịch vụ công trực tuyến.

Điều 68. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định và hướng dẫn về phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và dịch vụ công trực tuyến.

2. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Công an quản lý và hướng dẫn đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải quy định tại Điều 75 của Nghị định này.

Điều 69. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện pháp luật lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi của người lao động trong hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

2. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với người khuyết tật, người cao tuổi và các đối tượng chính sách khi sử dụng các dịch vụ vận tải bằng xe ô tô.

Điều 70. Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn đơn vị cung cấp phần mềm, đơn vị kinh doanh vận tải để thực hiện hợp đồng điện tử đối với việc cung cấp thông tin điện tử bảo đảm quản lý chặt chẽ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế.

2. Hướng dẫn việc thực hiện kết nối dữ liệu hóa đơn điện tử, hợp đồng vận tải điện tử, vé điện tử của các loại hình kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ chia sẻ thông tin cho Bộ Giao thông vận tải để phối hợp quản lý.

3. Hướng dẫn Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan cân đối, bảo đảm kinh phí thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng, triển khai và duy trì trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

4. Chủ trì thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ quốc tế khi xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật về hải quan.

5. Triển khai nâng cấp Cổng thông tin một cửa quốc gia để đáp ứng yêu cầu quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động vận tải đường bộ quốc tế.

Điều 71. Bộ Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thương mại điện tử trong lĩnh vực vận tải.

2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động thương mại điện tử trong lĩnh vực vận tải đường bộ.

Điều 72. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan bảo đảm nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ để phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Điều 73. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện:

a) Quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Xây dựng kế hoạch phát triển và quản lý phương tiện kinh doanh vận tải bảo đảm phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn. Xác định số lượng xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phù hợp với thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn;

c) Xây dựng và công bố: danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh; các khu vực dừng đỗ phục vụ cho phương tiện kinh doanh vận tải đón, trả khách trên địa bàn;

d) Quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn; chính sách hỗ trợ của nhà nước về khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn địa phương; việc tổ chức đấu thầu, tiêu chí để đặt hàng khai thác đối với tuyến xe buýt trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu; tổ chức đặt hàng khai thác đối với tuyến xe buýt liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố;

đ) Xây dựng các vị trí đón, trả khách cho xe taxi, xe buýt theo quy định tại khoản 5 Điều 5, khoản 8 Điều 6 của Nghị định này;

e) Tổ chức và quản lý các vị trí đỗ cho xe hợp đồng trong khu vực nội thành, nội thị thuộc các đô thị;

g) Thông báo vị trí bến xe hàng tại địa bàn;

h) Xây dựng và quản lý điểm đỗ taxi công cộng trên địa bàn;

i) Tiếp tục thực hiện các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh, liên tỉnh đã công bố trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; căn cứ vào danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh đã được công bố để thông báo trên Trang thông tin điện tử danh mục chi tiết từng tuyến gồm các thông tin: bến xe khách nơi đi, bến xe khách nơi đến, hành trình; tổng số chuyến xe và giờ xuất bến của từng chuyến xe đã có đơn vị tham gia khai thác, số chuyến xe chưa có đơn vị tham gia khai thác, thời gian giãn cách giữa các chuyến xe liền kề; công suất bến xe khách trên địa bàn (công suất theo giờ và theo ngày);

k) Bảo đảm kết nối liên thông phần mềm quản lý vận tải đường bộ qua biên giới với Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

l) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật liên quan khác trên địa bàn địa phương.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tuyến xe buýt đi qua để thống nhất thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này. Thống nhất với Bộ Giao thông vận tải trước khi mở tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để xác định và chỉ đạo thực hiện lắp camera giám sát tại các vị trí cố định, tuyến đường để kiểm soát hoạt động của các phương tiện kinh doanh vận tải hành khách trên địa bàn.

Điều 74. Đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Thực hiện quy định về hoạt động vận tải đường bộ của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định của Nghị định này.

2. Khi hoạt động kinh doanh phải đăng ký mã số thuế với cơ quan Thuế tại địa phương nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh; thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định. Thành viên hợp tác xã khi tham gia kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

3. Đơn vị kinh doanh vận tải

a) Ký hợp đồng lao động, đóng các loại bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động (bao gồm cả lái xe, nhân viên phục vụ trên xe) theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Phải bảo đảm các quyền lợi của hành khách theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông cho người lái xe; cấp thẻ nhận dạng lái xe cho lái xe của đơn vị theo quy định. Đối với nhân viên phục vụ trên xe (nếu có), đơn vị kinh doanh vận tải tự xây dựng chương trình và tập huấn theo yêu cầu kinh doanh của đơn vị;

d) Trong trường hợp có từ 02 đơn vị kinh doanh vận tải trở lên hợp tác để cùng kinh doanh vận tải phải có hợp đồng hợp tác kinh doanh, trong nội dung hợp đồng phải thể hiện: đơn vị nào chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành phương tiện, lái xe để vận chuyển hành khách, hàng hóa, quyết định giá cước vận tải và các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng phần mềm trong công tác quản lý phương tiện, quản lý lái xe, lưu trữ hồ sơ, vé điện tử, hợp đồng vận tải điện tử, hóa đơn điện tử, niêm yết thông tin trên phương tiện, tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của hành khách theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải chịu sự thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và pháp luật khác có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

6. Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động kinh doanh vận tải của đơn vị theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành giao thông vận tải.

7. Thực hiện các quy định của Nghị định này và chấp hành sự thanh tra, kiểm tra trong quá trình thực hiện các quy định của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

Điều 75. Đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải

1. Đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải (không trực tiếp điều hành phương tiện, lái xe; không quyết định giá cước vận tải) phải chấp hành các quy định theo pháp luật về giao dịch điện tử, các pháp luật khác có liên quan và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Ghi nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng và chuyển yêu cầu vận chuyển đến đơn vị kinh doanh vận tải đang tham gia trong phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải;

b) Thực hiện vai trò là đơn vị trung gian để xác nhận thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận giữa đơn vị kinh doanh vận tải với khách hàng, trong đó bảo đảm thực hiện đúng giá cước vận tải đã niêm yết hoặc giá trị hợp đồng đã ký kết; phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải cho đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải bảo đảm bảo tuân thủ theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 của Nghị định này; phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải cho đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng phải bảo đảm tuân thủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định này;

c) Ghi nhận đánh giá của khách hàng về chất lượng phục vụ của lái xe để thông tin đến đơn vị kinh doanh vận tải điều chỉnh dịch vụ vận tải đã cung cấp;

d) Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với các dữ liệu của hành khách, đơn vị kinh doanh vận tải và lái xe theo quy định pháp luật;

đ) Chỉ được cung cấp dịch vụ phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải cho đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; phương tiện đã được cấp phù hiệu bảo đảm các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải đối với từng loại hình vận tải theo quy định. Không cung cấp dịch vụ phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải cho đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng sử dụng để xác nhận đặt chỗ cho từng hành khách đi xe, bán vé hoặc thu tiền đối với từng hành khách đi xe dưới mọi hình thức; việc cung cấp dịch vụ phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải để đơn vị vận tải thực hiện ký kết hợp đồng vận tải điện tử phải bảo đảm tuân thủ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Nghị định này;

e) Thực hiện lưu trữ toàn bộ lịch sử các giao dịch đã thực hiện trên phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải để phục vụ thanh tra, kiểm tra; thời gian lưu trữ tối thiểu 02 năm;

g) Cung cấp cho cơ quan quản lý danh sách các đơn vị kinh doanh vận tải, xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ và lái xe của các đơn vị vận tải hợp tác với đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải hoặc cung cấp tài khoản truy cập vào phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải cho cơ quan quản lý khi có yêu cầu;

h) Phải cung cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải giao diện và công cụ để thực hiện được việc trực tiếp điều hành phương tiện và lái xe, đàm phán, quyết định giá cước vận tải với hành khách và người thuê vận tải trên phần mềm;

i) Phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải phải bảo đảm chỉ cho phép lái xe thực hiện nhiều thao tác để nhận chuyến khi xe dừng hoặc khi xe đang di chuyển thì lái xe chỉ phải thao tác một nút bấm để nhận chuyến xe;

k) Công bố quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, có hệ thống lưu trữ các khiếu nại.

2. Trường hợp đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải có thực hiện ít nhất một trong các công đoạn chính của hoạt động vận tải (trực tiếp điều hành phương tiện, lái xe hoặc quyết định giá cước vận tải) để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi phải thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này, các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, các pháp luật khác có liên quan và phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm e, điểm i, điểm k khoản 1 Điều này.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 76. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nếu chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này thì phải thực hiện cấp lại trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có Giấy phép kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày Cam kết gia nhập WTO của Việt Nam có hiệu lực, trong đó có ngành nghề kinh doanh vận tải đường bộ được tiếp tục tham gia hoạt động kinh doanh vận tải theo giấy phép kinh doanh đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Quy định việc chuyển tiếp về cấp và sử dụng phù hiệu đối với xe ô tô kinh doanh vận tải

a) Đối với xe tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, xe tải, xe công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe hợp đồng đã được cấp phù hiệu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành không phải thực hiện cấp lại cho đến khi hết hiệu lực hoặc đến khi thực hiện cấp lại;

b) Trường hợp xe ô tô có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) đã được cấp phù hiệu xe hợp đồng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (sử dụng phần mềm tính tiền quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định này) nếu có nhu cầu thực hiện theo loại hình xe taxi phải thực hiện cấp lại phù hiệu xe taxi để hoạt động kinh doanh theo quy định.

4. Các xe ô tô buýt hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị định này được phép hoạt động đến khi hết niên hạn sử dụng theo quy định.

5. Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ của lái xe kinh doanh vận tải được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực được phép sử dụng cho đến khi hết hiệu lực hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

6. Biển hiệu "XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH" đã cấp cho phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch còn giá trị sử dụng thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết giá trị sử dụng ghi trên biển hiệu hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

7. Các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

8. Đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng xe ô tô tham gia hoạt động thí điểm dịch vụ vận chuyển hành khách du lịch trong các đô thị bằng xe ô tô thoáng nóc, hoạt động thí điểm dịch vụ vận chuyển hành khách kết nối trung tâm đô thị và trung tâm du lịch đến cảng hàng không bằng xe ô tô đã thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực được hoạt động theo tuyến xe buýt kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện quản lý tuyến xe buýt và hoàn thành việc cấp phù hiệu "XE BUÝT" cho các phương tiện đã tham gia thí điểm (phương tiện tham gia thí điểm trước ngày 01 tháng 01 năm 2025) xong trước ngày 01 tháng 3 năm 2025.

9. Đơn vị, hộ kinh doanh sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia hoạt động thí điểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 phải đáp ứng quy định của Nghị định này.

Điều 77. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nghị định này bãi bỏ các nghị định sau:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4

năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Điều 78. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ
(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Địa chỉ trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:.....; Mã số thuế:..... (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).

7. Người đại diện theo pháp luật:

8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe... (ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).

9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

-.....

10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng:.... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:..... (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Phụ lục II

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

CƠ QUAN CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY PHÉP
KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Số:..... Cấp lần thứ:.....

(Cấp lần đầu: Số..... ngày/tháng/năm..... nơi cấp.....)

- Cấp cho đơn vị:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số..... ngày..... tháng..... năm..... cơ quan cấp.....
- Người đại diện theo pháp luật:.....
- Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

-.....

-.....

-.....

QR code	*....., ngày/tháng/năm...* **Cơ quan cấp phép** *(Ký tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

Phụ lục III
MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN
(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đăng ký.....(1)..... tuyến: Mã số tuyến:.....

Nơi đi:..... Nơi đến:.....(2)

Bến xe đi:..... Bến xe đến:.....(3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi:..... giờ.... phút, vào các ngày.....

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:..... giờ.... phút, vào các ngày.....

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình chạy xe:.....

5. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT** *(Ký tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....; Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến..... trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

- Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ..... phút, vào các ngày.....

- Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ..... phút, vào các ngày.....

-.....

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

- Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ..... phút, vào các ngày.....

-.....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ..... phút.

4. Tốc độ lữ hành:..... km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

+ Chuyến 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Chuyến 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Chuyến 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Chuyến 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2					
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Chuyến	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Chuyến 1			
2	Chuyến 2			
	....			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ..... đến.....):..... đồng/HK.

- Chặng 2 (từ..... đến.....):..... đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:..... kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:..... đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).....

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất.....

- Số lượng xe:.....

VII. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

1. Đạt chất lượng dịch vụ loại..... (sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại..... (sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

2. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....

3. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

MẪU THÔNG BÁO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... /.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO

ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG

Kính gửi:.... (*Tên đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*).....

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Sở Giao thông vận tải thông báo về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định thành công với các nội dung sau:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày...../...../..... do..... (tên cơ quan cấp)..... cấp.

Được tham gia khai thác tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh (hoặc nội tỉnh) kể từ ngày.... tháng.... năm.....

- Tên tuyến: Nơi đi:..... Nơi đến:..... và ngược lại (1).

- Bến xe đi:..... Bến xe đến:.....

- Mã số tuyến:.....

- Cự ly vận chuyển:..... km; Hành trình chạy xe:.....

Giờ xe xuất bến:

+ Tại bến xe đi:..... giờ..... phút, vào các ngày.....

.....

+ Tại bến xe đến:..... giờ..... phút, vào các ngày.....

.....

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo..... (*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)..... có trách nhiệm đưa xe vào khai thác. Trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày thông báo, nếu..... (*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)..... không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo này không còn hiệu lực.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục ĐBVN;
- Sở GTVT...;
- Các Bến xe...;
- Lưu:....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi: (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

Phụ lục V

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU

Kính gửi:..... (Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Số lượng phù hiệu nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
..							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

(*) Áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

Phụ lục VI

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

..(Đơn vị tổ chức tập huấn)....

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ

Ảnh 3 x 4 (có đóng dấu giáp lai)

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

.....

Giấy CCCD số: .....

Đã qua lớp tập huấn tại:.....

Thời gian từ ngày....tháng....năm.....đến ngày.....tháng.....năm...

....., ngày..... tháng..... năm.....

GCN có giá trị đến

.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

- Kích thước Giấy chứng nhận: dài 90 mm, rộng 60 mm.

- Ảnh chụp không quá 06 tháng. Đơn vị cấp Giấy đóng dấu giáp lai ở góc bên phải phía dưới ảnh.

- Giấy chứng nhận này chỉ cấp cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe đã hoàn thành khóa tập huấn theo nội dung quy định.

- Giấy chứng nhận có giá trị tối đa 05 năm, kể từ ngày cấp và không có giá trị thay thế giấy tờ tùy thân.

- Giấy chứng nhận sẽ không có giá trị khi bị tẩy xóa hoặc có sự thay đổi nội dung.

Phụ lục VII

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN
Mẫu số 02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN
Mẫu số 04	Giấy phép liên vận ASEAN
Mẫu số 05	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp:.....

5. Đề nghị..... (cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

.....

.....

.....

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:*** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Mẫu số 02. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI MINISTRY OF TRANSPORT **CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM** DEPARTMENT FOR ROADS OF VIET NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN
ASEAN CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit No.):.....

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...
Hanoi,..... (dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(*Ký tên, đóng dấu)*
(Signature & Official Stamp)

Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN số:..... Ngày cấp:.....

5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	**Biển số xe**	**Trọng tải (ghế)**	**Năm sản xuất**	**Nhãn hiệu**	**Số khung**	**Số máy**	**Màu sơn**	**Thời gian đề nghị cấp phép**	**Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)**	**Cửa khẩu**
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận ASEAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

ASEAN VEHICLE
CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN

ASEAN VEHICLE
CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số (Permit No.).....

Cấp cho (Issued to):

☐ **Phương tiện thương mại (Commercial vehicle)**

☐ **Phương tiện phi thương mại (Non-Commercial vehicle)**

Trang 1
Page 1

Số đăng ký phương tiện (Vehicle registration Number)
.....

Ký hiệu nhận biết (Distinguishing Sign)

VN

Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải
Details of Transport Operator

Tên đơn vị (Transport Operator Name):
.....
.....

Địa chỉ (Address):
.....
.....
.....

Số điện thoại (Telephone number):.....

Số Fax/Địa chỉ email (Fax number/Email address):.....

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....
.....
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (ASEAN Cross-Border Transport Permit No.):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2
Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị
This permit is valid
Từ ngày (From):
..... (dd/mm/yyyy)
Đến ngày (Until):
..... (dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):
.....
.....
.....
Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):
.....
.....
.....
.....
.....
Nơi đến (Destination):
.....
.....
.....
Ngày cấp (Date of issuance):
.....
.....

Issuing Authority
(Signature & Stamp)

Trang 3
Page 3

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này được gia hạn
This permit is extended
Đến ngày (Until):
.....**(dd/mm/yyyy)**

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):
.....
.....
.....
Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):
.....
.....
.....
Nơi đến (Destination):
.....
.....
.....
Ngày cấp (Date of issuance):
.....

Issuing Authority
(Signature & Stamp)

Trang 4
Page 4

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):..... ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):..... Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm
Bìa màu cam dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.
Orange cover used for all vehicles.

Mẫu phù hiệu phương tiện vận tải qua biên giới ASEAN

Kích cỡ và kích thước của Phù hiệu:
Đường kính ngang: ± 11.5 cm
Đường kính dọc: ± 11.8 cm
Nền phù hiệu: Màu cam

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

.

Mẫu số 05. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
To: Department of Transport of..... province

....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name):*.....

2. Địa chỉ: *(Address)*.....

3. Số điện thoại: *(Telephone number*.....

Số Fax/Địa chỉ email: *(Fax number/Email address)*.....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải..... gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of..... to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*

- Biển số xe *(Registration number):*.....

- Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number).... ngày (the date of)..... (dd/mm/yyyy)

- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit):..... (dd/mm/yyyy)

5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):

.....

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of unability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian..... ngày, từ ngày..... đến ngày.....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in..... day(s), from..... (dd/mm/yyyy) until..... (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement).*

..., ngày... tháng... năm.....
Place,..... (dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn (Applicant name)
Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)
Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person)

Phụ lục VIII

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS VÀ GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GMS

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
Mẫu số 02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS/sổ TAD
Mẫu số 04	Giấy phép liên vận GMS
Mẫu số 05	Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (sổ TAD)
Mẫu số 06	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp:.....

5. Đề nghị..... (cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

**** Chú ý:*** Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Mẫu số 02. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI MINISTRY OF TRANSPORT **CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM** DEPARTMENT FOR ROADS OF VIET NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS
GMS ROAD TRANSPORT PERMIT
Số Giấy phép (Permit No.):.....

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...
Hanoi,.....(dd/mm/yyyy)
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
Issuing Authority
(*Ký tên, đóng dấu)*
(Signature & Stamp)

Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS/sổ TAD

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GMS HOẶC SỔ TAD

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS số:..... Ngày cấp:.....

5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận GMS[1]

National Transport Facilitation Committee
Viet Nam

GMS Road Transport Permit[1]

This document is issued in accordance with Protocol 3 and Article 23 of the Agreement between and among the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Republic of China, the Laos People's Democratic Republic, the Union of Myanmar, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam for Facilitation of Cross - Border Transport of Goods and Passengers.

Permit No.	Distinguishing Nationality Sign	Permit number	Optional Barcode

Type of Permit/Transport Operation[2]: □ Scheduled passenger transport
□ Non-Scheduled passenger transport
□ Cargo transport

1. Issuing Authority:

1.1. Name:.....

1.2. Address:.....

1.3. Contact Data[3]:.....

2. Beneficiary of the Permit[4]:

2.1. Name:.....

2.2. Address:.....

2.3. Contact Data:.....

2.4. Road Transport Operator's National License Number:..... [5]

[1] Giấy phép liên vận GMS được ban hành theo Nghị định thư III và Điều 23 của Hiệp định giữa Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Liên minh Myanmar, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách qua biên giới. Mẫu giấy phép liên vận GMS chỉ sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

3. Particulars for Scheduled Passenger Transport Operations Only:

3.1. Itinerary:.....

3.2. Frequency of operations for the beneficiary:.....

3.3. Maximum Capacity (number of seats/persons):.....

3.4. Other Restrictions:..... [6]

4. Period of Validity: from..... until..... [7]

5. Allocated Vehicle Registration Number[8]:

	Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer			Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer	
1			5		
2			6		
3			7		
4			8		

Place and date of Issuance:..... Authentication (Seal/Stamp, Signature):

1. Warning: Counterfeiting is a criminal offence. This permit entitles its holder to perform cross-border road transport operations in the GMS region, subject to compliance with national laws of the Host Country, and the other conditions of the Agreement. The transport operator shall keep the original of this permit on board the vehicle at all times during cross-border transport operations for inspection and control purposes by authorities. This permit shall be valid only for the vehicle of which the registration number is entered on the permit form. Except for scheduled passenger transport operations, the Itineraries are restricted to the exit/entry point, routes, and corridors defined in Protocol 1 to the Agreement.

2. Please tick the type of transport operation.

3. Contact data may include: telephone number, fax number, email address, etc.

4. This permit is nominative and non-negotiable and non-transferable.

5. The validity of this permit shall be subject to the validity of the holder's transport operator license.

6. Other restrictions on this type of transport operations flowing from the arrangements on terms and conditions by the Country whose territory is traversed as per Article 5(e) of Protocol 3 to the Agreement.

7. Provided the permit was used before the expiry of its validity date by entering the territory of another GMS country than that of its holder transport operator, it shall remain valid until the completion of the transport operation by the return of the vehicle to its Home Country. A cross - border transport operation shall be completed by the exit of the vehicle from the Host Country territory within a period of 30 days from the date of entry in the Host Country territory. If the transport operator is unable to timely leave the Host Country territory, he/she shall inform the Host Country Competent Authority and may be required to file a request for extension.

8. Type of vehicle should be entered. Only the number(s) entered in the last box prevail(s). If the form has become full within its validity period, the issuing authority shall upon a simple request from its holder forwith replace the original form.

Mẫu số 05. Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD)

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation Agreement

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải

Motor Vehicle
Temporary Admission Document

SPECIMEN

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Socialist Republic of Viet Nam

SPECIMEN

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Cross-Border Transport Facilitation Agreement

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải

Motor Vehicle
Temporary Admission Document

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Socialist Republic of Viet Nam

SPECIMEN

Bộ Giao thông vận tải
Ministry of Transport

Số Sổ TAD No. _____

Số Giấy phép vận tải đường bộ GMS:
GMS Road Transport Permit No. _____

Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải
Tiểu vùng Mê Kông mở rộng

Greater Mekong Subregion
Motor Vehicle
Temporary Admission Document (TAD)

Phương tiện Type of Vehicle:

☐ Phương tiện vận tải hành khách Passenger Transport Vehicle

☐ Phương tiện vận tải hàng hoá Goods Transport Vehicle

_____ / _____

Số đăng ký xe/Năm sản xuất
Vehicle Registration Number/Year of Production

Số đăng ký Sơ-mi rơ mooc (dùng với phương tiện chính)
Semi-Trailer Registration Numbers (For Use With The Main Vehicle)

1.	2.	3.
4.	5.	6.

_____

Ký hiệu phân biệt Distinguishing Sign

VN

SPECIMEN

2

Đặc điểm phương tiện
Particulars of the Vehicle

1. Thông số kỹ thuật Technical Data

Loại phương tiện Vehicle Category _____
Nhãn hiệu Brand _____
Model Model _____
Màu sắc Colour _____
Vị trí Tay lái Steering Wheel ☐ Trái Left ☐ Phải Right

Số máy Engine No. _____
Số khung Chassis No. _____

Kích thước Dimensions
Rộng _____ mm, Dài _____ mm, Cao _____ mm
Width mm, Length mm, Height mm

Số chỗ ngồi Number of Seats _____
Khối lượng toàn bộ tối đa Maximum Gross Weight _____
Khối lượng bản thân Net Weight _____

Giá trị phương tiện (bằng nội tệ tại thời điểm cấp tờ khai)
Vehicle Value (in Local Currency at Time of TAD Issuance)
_____

SPECIMEN

3

2. Phụ tùng và thiết bị bổ sung (nếu có) *
Additional Articles and Equipment (if Any)*

☐ Phụ tùng Spare Parts
☐ Vật tư bảo dưỡng Maintenance Supplies
☐ Phụ kiện khác Others

* Theo số lượng phù hợp. Đánh dấu vào ô.
In reasonable quantities. Please tick.

3. Dữ liệu bổ sung Additional Data

Tên Doanh nghiệp/chủ sở hữu phương tiện
Name of Company/Vehicle Owner
_____

Số điện thoại di động Mobile Phone _____

Địa chỉ: Address:
Đường/phố Street _____
_____

Thành phố City _____
Quận/huyện County (District) _____
Tỉnh Province _____

SPECIMEN

4

4. Có giá trị đến _____
Valid Until

Cấp tại _____ Ngày _____
Done At Date

Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép
Signature and Seal of Issuing Authority

_____

Gia hạn thời gian lưu hành
Extension of Validity

Có giá trị đến _____
Valid Until

Cấp tại _____ Ngày _____
Done At Date

Chữ ký và dấu của cơ quan gia hạn
Signature and Seal of Issuing Authority

_____

SPECIMEN

6

Giới thiệu
Introduction

1. Theo Điều 18 và Phụ lục 8 của Hiệp định GMS CBTA (gọi tắt là "Hiệp định"), Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải này (TAD) cho phép phương tiện đã đăng ký được hoạt động vận tải qua biên giới dọc theo các hành lang, tuyến đường và các điểm nhập/xuất cảnh được quy định tại Nghị định thư số 1 của Hiệp định.;
In accordance with Article 18 and Annex 8 of the GMS CBTA (the "Agreement"), this Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) allows the registered vehicle to operate cross-border transport along the corridors, routes and points of entry and exit designated in Protocol 1 of the GMS CBTA.
2. Nghiêm cấm tẩy xoá, bổ sung hoặc giả mạo bất kỳ điều khoản nào trong sổ này; các vi phạm như vậy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;
It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this TAD. Such offences shall be prosecuted.
3. Trong trường hợp đánh mất sổ này, người có tên trên sổ phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng gần nhất của Nước chủ nhà. Cơ quan cấp phép của Nước xuất phát gốc phải được thông báo kịp thời.;
In case of loss of this TAD, the holder shall immediately inform the nearest competent authorities of the Host country. The issuing authority of the Home country shall be notified in due course.

SPECIMEN

7

4. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This TAD shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expiry date.
5. Phương tiện được cấp phép phải mang theo sổ này, để cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà kiểm tra và đóng dấu cho từng hoạt động vận tải qua biên giới. Sổ này phải được mang theo cùng phương tiện và xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia Hiệp định GMS CBTA khi được yêu cầu.
The permitted vehicle shall carry this TAD, which is subject to inspection and stamping for each cross-border transport operation by the Host country Customs authorities. This TAD shall be carried in the vehicle and produced to the competent authorities of GMS CBTA Contracting Parties upon request.
6. Ngày tháng và các điểm xuất/nhập cảnh phải được ghi nhận trên các trang tiếp theo trang này, được cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà ký và đóng dấu, bao gồm cả thời gian gia hạn được cơ quan chức năng cho phép, tối đa là 30 ngày để hoàn thành hoạt động vận tải qua biên giới, trong trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do hợp lý khác.
Dates and points of exit and entry shall be recorded on the pages that follow, signed and stamped by the Host country Customs authorities, including any extensions granted by these authorities to the 30-day time limit for completion of

SPECIMEN

8

the cross-border transport operation, caused by force majeure or other reasonable cause.
7. Trong trường hợp xảy ra vi phạm (Ví dụ: vi phạm pháp luật và quy định Hải quan của Nước chủ nhà, không có phản ứng kịp thời hoặc không chấm dứt sử dụng sổ này theo thời gian quy định), thì Chủ phương tiện/công ty có tên trong Phần 3 của sổ này sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế, phí, tiền phạt và tiền lãi còn thiếu cho cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà.
In case of any irregularity (e.g., breach of Host country Customs laws and regulations, lack of response, or lack of timely discharge of the TAD) the Company/Vehicle Owner listed in Section 3 of the TAD shall be liable for payment of duties, taxes, fines, and interest owed to the Host country Customs authorities.

SPECIMEN

Sổ này gồm có 60 trang, không kể trang bìa
This Permit Contains 60 Pages Excluding the Cover

9

Hồ sơ hoạt động
RECORD

Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)

SPECIMEN

10

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 06. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
To: Department of Transport of..... province
....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name):*.....

2. Địa chỉ: *(Address)*.....

3. Số điện thoại: *(Telephone number)*..... Số Fax/Địa chỉ email: *(Fax number/Email address)*.....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải..... gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of..... to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*

- Biển số xe *(Registration number):* .....

- Giấy phép liên vận GMS số (GMS Road Transport Permit number).... ngày (the date of)..... (dd/mm/yyyy).

- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit):..... (dd/mm/yyyy).

5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):

.....

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of unability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian..... ngày, từ ngày..... đến ngày.....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in... day(s), from..... (dd/mm/yyyy) until..... (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of GMS Agreement).*

..., ngày... tháng... năm...
Place,..... (dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn (Applicant name)
Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)
Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person)

Phụ lục IX

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 03	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
Mẫu số 04	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
Mẫu số 05	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 06	Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 07	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 08	Thông báo khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 09	Lệnh vận chuyển dùng cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 10	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 11	Thông báo ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 12	Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Mẫu số 13	Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: ....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... Ngày cấp:.....

5. Đề nghị..... cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: □

b) Hành khách theo hợp đồng: □ c) Vận tải hàng hóa: □

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:..... đi..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển:..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số..... ngày... tháng... năm...

..., ngày... tháng... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:..... Ngày cấp:.....

5. Đề nghị..... cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: □ b) Cá nhân: □

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: □ d) Mục đích khác: □

..., ngày... tháng... năm...
Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 03. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
***

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI
COMMERCIAL VEHICLE

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
***

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

Số giấy phép (Permit number).....
Ngày cấp (Date of issuance):.....
Thời hạn (Period of validity): Từ (from)..... đến (until)..... (dd/mm/yyyy)

Cơ quan cấp (Issuling Authority)
(Ký tên và đóng dấu)
(Signature, Stamp)

Page 1

Chi tiết về Đơn vị vận tải
Details of Transport Operator/Organization

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name).....
Địa chỉ (Address):.....
.....
Điện thoại (Telephone number):.....
Số Fax (Fax number):.....
2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....
Địa chỉ (Address):.....
Tel:..... Fax:.....

Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):
.....
2. Thông số kỹ thuật (Specificatio.ns):
- Năm sản xuất:..... (Manufacture year)
- Nhãn hiệu (Brand/Trademark):
.....
- Loại xe (Model):.....
☐ Xe tải (Truck) ☐ Xe khách (Bus) ☐ Khác (Other)
- Màu sơn (Colour):.....
- Số máy (Engine number):.....
- Số khung (Chassis No.):.....

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động
Border gate, Operation areas/routes

Cửa khẩu (Border gate):.....
.....
.....
.....
Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):
.....
.....
Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố định/ cố định
Cargo transport/passenger transport, non - scheduled/ scheduled
.....
.....
Ghi chú khác (Others):.....
.....
.....

Page 3

GIA HẠN
EXTENTION

Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày
(be extended one time and not exceed 10 days)

Gia hạn đến.....
Extended until..... **(dd/mm/yyyy)**
Ngày cấp.....
Issuing date.....

Cơ quan cấp (Issuing Authority)
Ký tên, đóng dấu (Signature, Stamp)

Page 4

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN
FOR CUSTOMS - IMMIGRATION

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date

Page 5

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN
FOR CUSTOMS - IMMIGRATION

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date

Next Pages

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue. 2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request. 3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.	Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
***

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI
NON COMMERCIAL VEHICLE

Mặt bìa trước/Cover

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary

Mặt sau/Back side

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT
(CLV - CBT PERMIT)

Số giấy phép (Permit number).....

Ngày cấp (Issuing date):.....

Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....
đến (until)..... (dd/mm/yyyy)

Cơ quan cấp (Issuling Authority)
(Ký tên và đóng dấu)
(Signature, Stamp)

Page 1

Chi tiết về tổ chức/cá nhân
Details of Organization/Individual

1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)
.....
Địa chỉ (Address):.....
Điện thoại (Telephone number):.....
Số Fax (Fax number):.....
2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....
Địa chỉ (Address):.....
Tel:..... Fax:.....

Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):
.....
2. Thông số kỹ thuật (Specifications):.....
- Năm sản xuất (Manufacture year):.....
- Nhãn hiệu (Brand/Trademark):.....
- Loại xe (Model):.....
☐ Xe tải (Truck) ☐ Xe khách (Bus) ☐ Khác (Other)
- Màu sơn (Colour):.....
- Số máy (Engine number):.....
- Số khung (Chassis No.):.....

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES
Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động
Border gate, Operation areas/routes

Cửa khẩu (Border gate):.....
.....
.....
.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):
.....
.....

Các ghi chú khác (other notices):.....
.....
.....
.....

Page 3

GIA HẠN
EXTENTION
Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày
(be extended one time and not exceed 10 days)

Gia hạn đến.....
Extended until..... **(dd/mm/yyyy)**
Ngày cấp.....
Issuing date.....

Cơ quan cấp (Issuing Authority)
(Ký tên và đóng dấu)
(Signature, Stamp)

Page 4

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date

Page 5

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN
FOR CUSTOMS - BORDER GARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date

Next Pages

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue. 2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request. 3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended before the expiry date.	Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại. Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.

Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

No……

VIET NAM
CLV- CBT BOARD

(Company):..... (Competent Authorities)
(Registered Number):.....
(valid until):..... (Signature/Sealed)

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-lip với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 05. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):.....

2. Địa chỉ (Address):.....

3. Số điện thoại (Telephone number):..... số Fax (Fax number).....

4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.):..... ngày (the date of).....

5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):.....

6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country).....

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian..... ngày, từ ngày..... đến ngày.....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in...day(s), from..... until.....

8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

..., ngày... tháng... năm...
Place,..... (dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

Mẫu số 06. Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... số Fax:.....

4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi:..... Tỉnh/thành phố đến:.....

Bến đi:..... Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km

Hành trình chạy xe:.....

5. Danh sách xe đăng ký, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Lộ trình:.....

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến trong.... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe.... giờ.

d) Tốc độ lữ hành:..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lượt về từ Bến xe..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ.....đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-.....

-.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/hành khách.

Giá vé	**đồng/hành khách**
Trong đó: - Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08. Thông báo khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH... **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../SGTVT-VT	*....., ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
Tuyến:..... đi..... và ngược lại
Giữa: Bến xe..... và Bến xe.....

Kính gửi:.....

Sở Giao thông vận tải..... nhận được công văn số..... ngày... tháng.... năm... và hồ sơ kèm theo của..... về việc đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Thực hiện Điều... Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Sở Giao thông vận tải..... thông báo như sau:

Cho phép..... được khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe..... (tên tỉnh đến).

Hành trình:..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số xe tham gia khai thác:..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:..... **Thay thế cho xe.**..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Thời hạn tham gia khai thác: Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Giao thông vận tải..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09. Lệnh vận chuyển dùng cho phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ:..... **Điện thoại:.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20.../LVC	*..., ngày... tháng... năm...*

LỆNH VẬN CHUYỂN
DÙNG CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Có giá trị từ ngày..... đến ngày.....

<table>
<tr><td colspan="4">Cấp cho Lái xe 1:..... hạng GPLX:.....
Lái xe 2:..... hạng GPLX:.....
Nhân viên phục vụ trên xe:.....
Biển số đăng ký:..... số ghế theo ĐK:..... Loại xe:.....
Bến đi, bến đến:.....
Hành trình tuyến: (ghi chi tiết theo văn bản chấp thuận).....
.....</td><td>Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Cán bộ kiểm tra kiểm tra xe</td></tr>
<tr><td>Lượt xe thực hiện</td><td>Bến xe đi, đến</td><td>Giờ xe chạy</td><td>Số khách</td><td>Bến xe
(Ký tên, đóng dấu)</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Lượt đi</td><td>Bến xe đi:.....</td><td>xuất bến... giờ... ngày...</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Bến xe nơi đến:.....</td><td>đến bến... giờ... ngày...</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Lượt về</td><td>Bến xe đi:.....</td><td>xuất bến... giờ... ngày...</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Bến xe nơi đến:.....</td><td>đến bến... giờ... ngày...</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">LÁI XE 1
(Ký và ghi rõ họ tên)</td><td>LÁI XE 2
(Ký và ghi rõ họ tên)</td><td colspan="2">NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE
(Ký và ghi rõ họ tên)</td></tr>
</table>

**** Ghi chú:***

- Bến xe ghi vào ô ngày giờ đi đến, đóng dấu.
- Trên một tờ Lệnh vận chuyển chỉ được phép bố trí tối đa 4 lượt đi và 4 lượt về.
- Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung các nội dung khác để phục vụ công tác quản lý, điều hành của đơn vị.

Mẫu số 10. Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN, NGỪNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... Ngày cấp:.....

5. Kể từ ngày...../...../.....,..... (Đơn vị kinh doanh vận tải)..... sẽ ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:..... (đối với ngừng khai thác tuyến)

7. Phương tiện đề nghị ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến)

Nơi nhận: - Như trên; -..... - Lưu:...	**Đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 11. Thông báo ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../SGTVT-VT	*..., ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN, NGỪNG PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:... *(Tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).*

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia:

Sở Giao thông vận tải..... thông báo Đơn vị kinh doanh vận tải được ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh/thành phố..... *(nơi đi)*.....)

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh/thành phố..... *(nơi đến)*.....).

Số xe ngừng khai thác tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến).

Nơi nhận:	**GIÁM ĐỐC**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
-.....	
- Lưu:...	

Mẫu số 12. Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số fax:.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... Ngày cấp:.....

5. Kể từ ngày...../...../.....,... (đơn vị kinh doanh vận tải)..... sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến .....

6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:

Nơi nhận: - Như trên; -..... - Lưu:...	**Đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 13. Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../SGTVT-VT	*..., ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:.....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Sở Giao thông vận tải.... thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:	**GIÁM ĐỐC**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
-.....	
- Lưu:...	

Phụ lục X

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

(Kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)
Mẫu số 03	Giấy phép vận tải loại A
Mẫu số 04	Giấy phép vận tải loại B
Mẫu số 05	Giấy phép vận tải loại C
Mẫu số 06	Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 07	Giấy phép vận tải loại E
Mẫu số 08	Giấy phép vận tải loại F
Mẫu số 09	Giấy phép vận tải loại G
Mẫu số 10	Giấy đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 11	Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D
Mẫu số 12	Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
Mẫu số 13	Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 14	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 15	Thông báo khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
Mẫu số 16	Giấy đề nghị ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ Email:.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số..... Ngày cấp.....

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

(Nếu có nhiều phương tiện thì lập bảng kê kèm theo đơn)

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghỉ trên đường
1								
2								
3								
4								

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:..... Điện thoại:.....

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....
- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Kính gửi:.....

1. Tên cơ quan, đơn vị:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....

4. Mục đích đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện:.....

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
1							
2							
3							
...							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:.....Số điện thoại:.....

Nơi nhận:	*..., ngày... tháng... năm...*
- Như trên;	**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị**
-.....	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu:...	

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

Mẫu số 03. Giấy phép vận tải loại A

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ A in chìm mầu hồng.

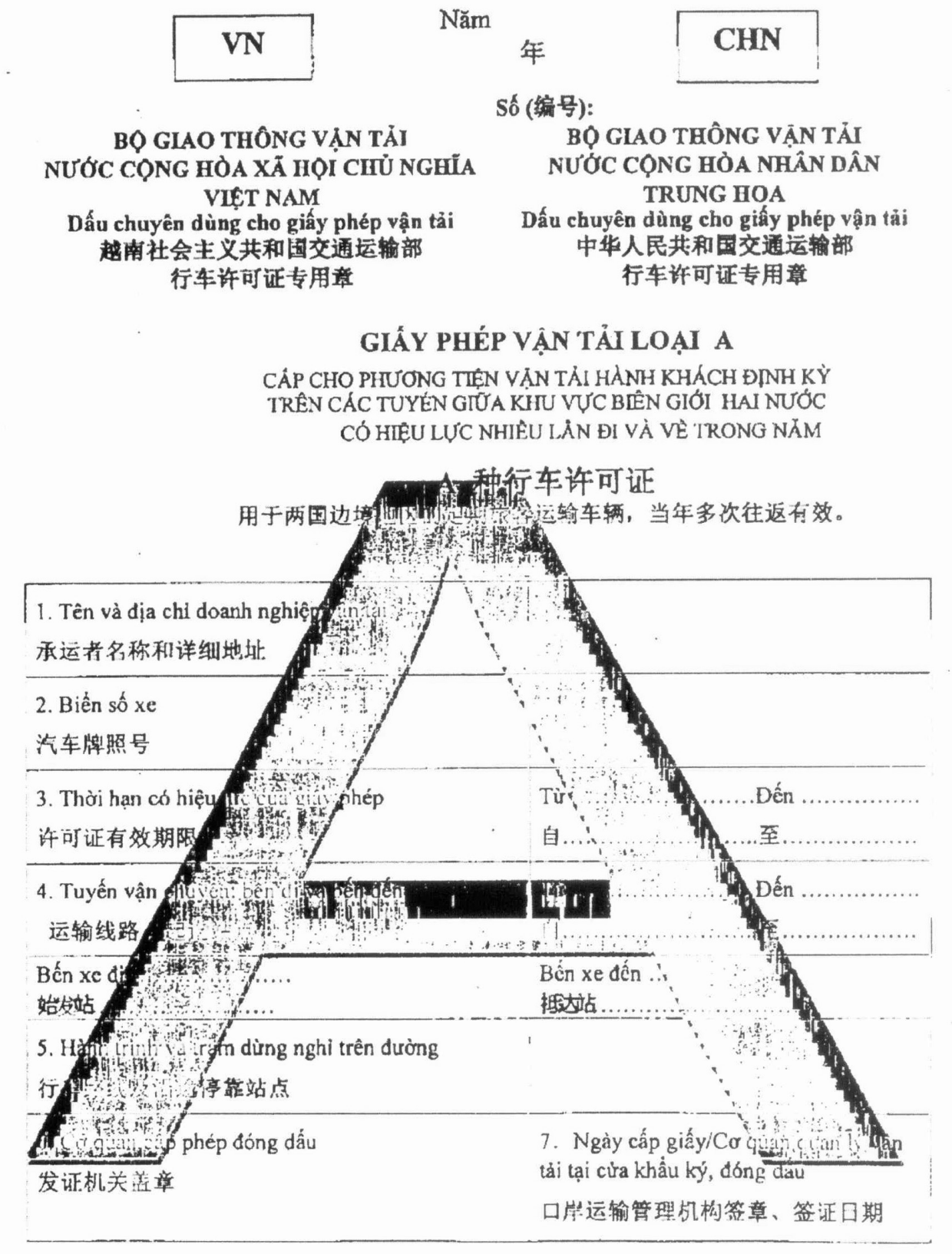

VN

Năm

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI A

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

A种行车许可证

用于两国边境[illegible]运输车辆，当年多次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải
承运者名称和详细地址

2. Biển số xe
汽车牌照号

3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép
许可证有效期限

Từ ..... Đến .....
自..... 至.....

4. Tuyến vận chuyển: bến đi và bến đến
运输线路

Đến .....
至.....

Bến xe đi .....
始发站.....

Bến xe đến .....
抵达站.....

5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường
行[illegible]停靠站点

6. Cơ quan cấp phép đóng dấu
发证机关盖章

7. Ngày cấp giấy/Cơ quan cửa khẩu vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu
口岸运输管理机构签章、签证日期

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 04. Giấy phép vận tải loại B

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ B in chìm màu lam nhạt.

VN	Năm 年	CHN

Số（编号）:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI B

[illegible] ĐỊNH KỲ VÀ XE CÔNG VỤ

[illegible] TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN [illegible] NƯỚC

CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG [illegible]ĂM

B 种行车许可证

[illegible]用于两国边境地区的不定期旅客运输和公[illegible]往返 1 次有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运者或公[illegible]位名称		
2. Biển số xe 汽车牌[illegible]		
3. Thời hạn có hiệu lực [illegible] 许可证有效期[illegible]	[illegible] 自	đến …………… 至……………
4. Số hành khách 旅客人数		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ …………… 自 ……………	đến …………… 至……………
6. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线[illegible]站点		
7. Mục đích của chuyến đi 此行目的	☐Thương mại ☐贸易	☐Công vụ ☐公务
8. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关[illegible]		Ngày cấp giấy Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký đóng dấu [illegible]管理机构签章、签证日期
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
11. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 05. Giấy phép vận tải loại C

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ C in chìm màu vàng nhạt.

VN

Năm:
年

CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI C

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA
TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

C 种行车许可证

用于两国边境地区的货物运输车辆，当年 1 次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ ..... đến ..... 自..... 至.....	
4. Tải trọng phương tiện vận chuyển 运输工具载重吨位		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ ....đến ..... 自..... 至.....	
6. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点		
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 06. Giấy phép vận tải loại D

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ D in chìm màu vàng đậm.

VN

Năm: 年

CHN

Số (编号)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA
Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM VÀ HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG GIỮA HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

D种行车许可证

用于两国间危险货物运输和超限货物运输车辆
当年1次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Trọng tải 载重量	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Loại hàng hoá 货物种类			
4. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ ..... Đến ..... 自..... 至.....		
5. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站点			
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ ..... Đến ..... 自..... 至.....	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使 用 说 明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 07. Giấy phép vận tải loại E

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ E in chìm viền mầu xám trong mầu trắng.

VN	Năm: 年	CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI E

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH (BAO GỒM CẢ KHÁCH DU LỊCH) ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SÂU TRONG LÃNH THỔ HAI NƯỚC

CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

E 种行车许可证

用于两国超出边境地区的定期旅客（含游客）运输车辆

当年多次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ ..... Đến	
Bến xe đi ..... 始发站.....		Bến xe đến ..... 抵达站.....	
4. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ ..... 自.....	Đến ..... 至.....
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7.Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 08. Giấy phép vận tải loại F

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ F in chìm viền mầu xám trong mầu trắng.

VN	Năm: 年	CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI F

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁCH KHÔNG ĐỊNH KỲ GỒM CẢ KHÁCH DU LỊCH VÀ XE CÔNG VỤ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SÂU TRONG LÃNH THỔ CỦA HAI NƯỚC

CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

F 种行车许可证

用于两国[illegible]的不定期旅客（含游客）运输和公务车辆，当年1次往返有效。

1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运企业或公务车[illegible]		
Địa chỉ 地址		
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人		
2. Phương tiện vận tải 运输工具		
Biển số xe 车牌号码	Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码	Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色	Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ ..... Đến ..... 自.....至.....	
4. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停[illegible]		
5. Mục đích của chuyến đi 此行目的	☐Thương mại ☐贸易	☐Công vụ ☐公务
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期	Từ ..... 自.....	Đến ..... 至.....
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	8.Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu số 09. Giấy phép vận tải loại G

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ G in chìm viền mầu xám trong mầu trắng.

VN	Năm: 年	CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG
CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI THAM GIA
HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SÂU TRONG LÃNH THỔ MỖI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM
G 种行车许可证
两国超出边境地区的货物运输车辆
当年 1 次往返有效

1. Tên Doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Trọng tải 载重量	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路:	Từ ..... Đến ..... 至		
4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期	Từ ..... 自.....	Đến ..... 至.....	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期		
8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.

- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.

- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

(Xem tiếp Công báo số 1517 + 1518)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng